

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2018
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Trần Minh Triên

2/- Ông Phan Hữu Trí

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Hồ T, sinh năm: 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Lê Hoàng G, sinh năm: 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 22/3/2018, biên bản hòa giải ngày 04/5/2018 nguyên đơn chị T trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng kết hôn vào ngày 24/3/2000, hôn nhân do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G thường xuyên uống rượu về chửi mắng

chị vô cớ, đập phá đồ đạc trong nhà, chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh G vẫn không chịu sửa đổi, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau, vào khoảng năm 2012 anh G cầm dao đâm chị nhưng chị tránh được, chị bỏ đi nhưng cha mẹ hai bên khuyên can, anh G cam kết sẽ sửa đổi nên chị hàn gắn lại với anh G, vợ chồng tiếp tục chung sống cho đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra cự cãi với nhau, anh G lại cầm dao đuổi theo chị để chém, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ ngày 18/8/2015 (âm lịch) cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, gần đây anh G còn hăm dọa, chửi mắng cha mẹ của chị.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hoàng G.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Kim M, sinh ngày 14/4/2001 và Lê Phan Mai K, sinh ngày 08/9/2011. Từ khi ly thân đến nay cháu M và cháu K đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2018, biên bản hòa giải ngày 04/5/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh G trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị T về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có xảy ra bất đồng trong công việc làm ăn, giải quyết nội bộ gia đình làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, nhưng mâu thuẫn không lớn và không đến mức phải ly hôn, anh xác nhận có uống rượu, chửi mắng và hăm dọa đâm chị T như nội dung chị T trình bày, anh có kêu tên cha mẹ vợ nhưng không có chửi mắng, vợ chồng ly thân từ ngày 18/8/2015 (âm lịch) cho đến nay, thời gian ly thân anh có đến hàn gắn tình cảm với chị T nhưng không hàn gắn được.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của chị T, anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị T, hiện anh còn thương vợ và thương các con nên không đồng ý ly hôn do không muốn gia đình bị đổ vỡ, anh mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau lo cho các con. Nếu vợ anh cương quyết ly hôn thì phải giao con Lê Phan Mai K cho anh nuôi thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Kim Mai, sinh ngày 14/4/2001 và Lê Phan Mai Khôi, sinh ngày 08/9/2011. Hiện nay cháu Mai và cháu Khôi đang sống với chị Trúc. Nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Khôi, còn cháu Mai thì anh đồng ý để cho chị Trúc được nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu chị Trúc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T là nguyên đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh G kết hôn vào ngày 24/3/2000, hôn nhân do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh G chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do anh G thường xuyên uống rượu về chửi mắng chị vô cớ, đập phá đồ đạc trong nhà, chị có khuyên can nhiều lần nhưng anh G vẫn không chịu sửa đổi kéo dài cho đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra cự cãi với nhau, anh G lại cầm dao đuổi theo chị để chém, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ ngày 18/8/2015 (âm lịch) cho đến nay, nay chị cương quyết xin được ly hôn. Về phía anh G thì cho rằng còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn. Song suốt thời gian ly thân từ 18/8/2015 cho đến nay anh cũng không tạo điều kiện gì để hàn gắn quan hệ tình cảm mà ngày càng gây thêm mâu thuẫn, tại phiên tòa anh trình bày nếu chị T giao cháu K cho anh nuôi thì anh đồng ý ly hôn, điều này cho thấy tình cảm thực sự không còn. Qua xác minh khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Kim M, sinh ngày 14/4/2001 và Lê Phan Mai K, sinh ngày 08/9/2011. Từ khi ly thân đến nay cháu M và cháu K đang sống với chị T, về cuộc sống vật chất và tinh thần đã tạm ổn định. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, còn phía anh G yêu cầu được nuôi cháu K, còn cháu M thì anh đồng ý để cho chị T được nuôi dưỡng. Qua xác minh điều kiện nuôi con thì hiện nay anh G chưa có công việc ổn định, còn bấp bênh do làm thuê ở bên ngoài, không có đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác, tại tờ tự khai ngày 04/4/2018 cháu M có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ và tại biên bản ghi ý kiến ngày 04/5/2018 thì cháu K có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, cháu K không đồng ý sống với cha vì cháu rất sợ cha cháu, mỗi lần cha uống rượu chạy xe chở cháu làm cháu bị té, do đó nghĩ nên để chị T được tiếp tục nuôi hai con là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chi T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 9, 51, 53, 54, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị T.

Chị T được ly hôn với anh G.

- **Về con chung:** Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng hai con là Lê Thị Kim M, sinh ngày 14/4/2001 và Lê Phan Mai K, sinh ngày 08/9/2011. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh G, không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003387 ngày 22/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Anh G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/6/2018). Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- VKSND huyện C;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh An Giang;
- THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kim Hoa